

XÁC ĐỊNH THỜI GIAN ĐẢM NHIỆM CHỨC TẾ TỬU QUỐC TỬ GIÁM CỦA TRƯƠNG CÔNG GIAI (1665 - 1728)

NGUYỄN HỮU TÂM*

Tóm tắt: Bài viết nhằm kính nhớ đến Trương Công Giai, một vị Học quan Tế tửu với nhiều đóng góp cho Quốc Tử Giám, cho nền khoa cử giáo dục Việt Nam trong giai đoạn Lê - Trịnh cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII. Thông qua những tư liệu thư tịch, gia phả và nhận xét của các bạn đồng liêu đương thời cùng đánh giá của hậu thế, có thể khẳng định Trương Công Giai là một nhà quản lý, một thầy giáo mẫu mực, đã tận tâm tận lực với Quốc Tử Giám - nơi bồi dưỡng và đào tạo ra những nhân tài đất nước. Cuộc đời của Trương Công Giai, nhất là giai đoạn giữ chức Tế tửu Quốc Tử Giám, cũng là một khoảng thời gian đẹp trong quá trình làm quan nhiều tâm đắc của ông, bởi ông có tấm lòng chân thành, trung thực với Thăng Long, với Quốc Tử Giám.

Từ khóa: Trương Công Giai, Quốc Tử Giám Tế tửu, triều Lê - Trịnh, giáo dục khoa cử

Abstract: This paper aims to honor the scholar Truong Cong Giai, an educational official and the head of the Imperial Academy who had a great contribution to the development of the Imperial Academy as well as the Vietnamese education during the Le - Trinh period in the late 17th and early 18th centuries. Bases on an intensive examination of historical documents, family records, assessments of contemporary colleagues and later generations, it is possible to affirm that Truong Cong Giai is a model manager and teacher who wholeheartedly dedicated to the Imperial Academy, which was a center to nurture and train Vietnamese talents during the feudal era. The life of Truong Cong Giai, especially the time he served as the head of the Imperial Academy is a fine life in which he gave a wholehearted devotion to the development of the Imperial Academy in particular as well as Thang Long in general.

Keywords: Truong Cong Giai, Head of the Imperial Academy, Le-Trinh period, education and examination

1. Trương Công Giai và quá trình chinh đồn chế độ khoa cử triều Lê - Trịnh

Trương Công Giai, còn được gọi là Trương Công Khải¹, sinh năm 1665, tại sở Thiên Kiện², huyện Thanh Liêm, phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam (nay là xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam).

Trương Công Giai ra đời khi đất nước đang bước vào giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh nội bộ Trịnh - Nguyễn kéo dài gần nửa thế kỷ (1627-1672). Sau nhiều cuộc chiến khốc liệt, tổn hại bao xương máu của dân chúng, nhằm tranh giành

quyền lực nhưng “bất phân thắng bại”, năm 1672 hai thế lực Trịnh, Nguyễn chấm dứt chiến tranh bằng việc lấy con sông Gianh (Quảng Bình) làm giới tuyến. Nhân dân hai miền Bắc Nam, tạm thời được trở lại cuộc sống thanh bình.

Triều đình nhà Lê mở đầu thời kỳ Trung hưng từ năm 1533, đã tiến hành củng cố và hoàn thiện tổ chức chính quyền, trong đó chú trọng chinh đồn chế độ thi cử. Giáo dục khoa cử vốn được coi là phương

* TS. Đại học Đại Nam

thức chủ yếu để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ quan lại trong các thời kỳ từ Lý, Trần, Hồ, Lê sơ, Mạc đến Lê Trung hưng và sau này là Tây Sơn và Nguyễn. Bản thân triều Lê - Trịnh vẫn kế thừa và chú trọng đặt khoa cử là công việc đầu tiên để đào tạo, nhằm bổ sung những Nho sĩ hiền đạt vào các chức vụ then chốt trong chính quyền trung ương và các địa phương.

Richards là một du khách phương Tây khi đến Đàng Ngoài giai đoạn này, đã có những nhận xét khá xác đáng về tầm quan trọng của thi cử đương thời: “Ở Đàng Ngoài, học thức được đặc biệt đánh giá cao, vì đây là phương tiện duy nhất giúp đạt được danh vọng và chỉ có giới Nho sĩ mới được coi là những bậc cao quý của đất nước. Họ cần phải trải qua các kỳ thi khác nhau để có thể đạt được mục tiêu mà họ mong mỏi, có được quan tước của vương quốc, là những gì được xem như phần thưởng cho văn nghiệp của họ”³.

Vào những năm cuối thế kỷ XVI việc thi cử đã được triều Lê - Trịnh cho khôi phục lại, nhưng hiệu quả chưa nhiều, thi lại sa lầy vào gần nửa thế kỷ chiến tranh liên miên, cho đến những năm đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XVII, triều Lê - Trịnh mới có thời gian để bắt tay chấn chỉnh thể lệ thi cử.

Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* 钦定越史通鉴纲目 cho biết: “Giáp Thìn, Cảnh Trị năm thứ 2 (1664) tháng 2, mùa xuân, định rõ lại điều lệ thi Hội... Từ năm Quang Hưng (1578-1599) trở về sau khôi phục lại chế độ cũ, cứ ba năm một lần thi Đại tỵ, nhưng quy chế thể thức trường thi hầy còn sơ lược. Đến nay mới san định rõ lại từng điều, từng khoản. Việc ấn định này, từ đây trở về sau bèn giữ làm thể lệ thường hành”⁴. Quy chế của

kỳ thi Hội từ trường thi, sĩ tử đi thi, quan chấm thi, thể văn sử dụng, cách thức chấm thi, kiểm soát,... rất tường tận và cụ thể.

Thí dụ, quy định của thể văn sử dụng trong từng trường hợp như sau: “Văn thể dùng giọng hồn hậu tao nhã, cấm dùng lời phù phiếm, đơn bạc, hiểm hóc, câu kỳ. Kỳ thi đối sách trình bày công việc hiện thời, cần phải châm chước cho đắc thể, thích ứng với sự thực, không được làm những lời quá khoe khoang”⁵. Hay như quy định chi tiết về việc lập trường thi: “Trường thi Hội đặt ở trước sân điện Giảng Võ, bốn chung quanh rào hai lần giậu kín, một lần giậu thưa, hào rãnh ở chung quanh trường đều bố trí một lượt chông chà. Giữa trường thi làm 4 vi (vây), có một ngôi nhà làm Công đường của thí viện, còn viện Đồng khảo, viện Giám khảo, mỗi viện đều ở riêng một nơi”⁶. Như vậy, thể lệ thi Hội được triều Lê - Trịnh ban thành quy chế chính thức và được duy trì suốt trong thời kỳ Lê Trung hưng (1533-1789).

Cũng chỉ 14 năm sau khi ban hành quy chế thi Hội, vào năm Vĩnh Trị thứ 3 (1678) triều vua Lê Hy Tông (1676-1705) lại tiếp tục tiến hành cải tổ lễ lối, thể lệ kỳ thi Hương. Các sử thần triều Nguyễn đã cho biết lý do phải thay đổi như sau: “Khoảng niên hiệu Cảnh Trị (1663-1671), chỉ định rõ phép thi Hội, còn phép thi Hương vẫn còn sơ lược, đến nay, triều đình sai Bộ Lễ định lại cho được rõ ràng”⁷.

Việc ban hành thể lệ thi Hương có 16 điều quy định cụ thể, chi tiết, toàn diện, được công bố vào một ngày mùa thu, tháng 7 năm 1678. Nhà bác học Phan Huy Chú đã có những nhận định tuy ngắn gọn, nhưng rất súc tích, đầy đủ về thể lệ thi Hương của triều Lê - Trịnh đợt này: “Điều lệ thi Hương các triều sau đời Lê

Trung hưng định lại, đã rõ và đủ, đời sau cứ thế mà làm, đến buổi đầu Cảnh Hưng, gián hoặc có sửa đổi vài điều, nhưng đại yếu cũng không khác mấy, cho nên chỉ chép rõ những điều lệ thể cách của năm này, còn các năm khác không chép nữa”⁸.

Sách *Lịch triều tạp kỷ* 历朝杂纪 của Ngô Cao Lãng và *Đại Việt sử ký tục biên* 大越史记续编, được chép theo thể biên niên, nội dung bổ sung cho phần tiếp theo của *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史记全书 đều đánh giá cao tác dụng của việc thay đổi thể lệ thi Hương năm 1678 như sau: “Mậu Ngọ, năm Vĩnh Trị thứ 3 (1678), ... Tháng 7, mùa thu. Ban hành 16 điều thể lệ thi Hương. Ra lệnh cho các quan ở các huyện, các châu khảo duyệt sĩ nhân; người nào khá thông văn lý, là hạng tứ trường; thông vừa là hạng tam trường. Sĩ nhân tứ trường cùng với sinh đồ các khoa đều được đưa riêng đi khảo thí. Người có học thức do đó ít bị bỏ rơi hoặc động lại”⁹.

Ngoài ra, triều đình Lê - Trịnh còn quy định thể lệ thi Đình cũng rất cụ thể, nghiêm túc, nhằm hoàn thiện hệ thống quy chế thi cử từ cấp địa phương tới trung ương.

Chính việc cải tổ, nhằm khôi phục lại nề nếp vốn có của chế độ giáo dục và khoa cử được đặt ra từ đời Lê sơ, đặc biệt được thịnh hành và trở thành quy mô dưới triều Lê Thánh Tông (1460-1497), mà kết quả triều đình Lê - Trịnh đã lựa chọn và sử dụng được một đội ngũ Nho sĩ thành đạt bổ sung vào bộ máy chính quyền nhà nước đương thời. Trương Công Giai cũng là một trong những Nho sĩ đỗ đạt vào giai đoạn thực hiện cải cách thể lệ thi cử và được triều Lê - Trịnh trọng dụng.

Sách *Trương thế gia ký* 张世家記, phần *Tục biên* do Trương Luận Xuyên soạn năm 1733, sau khi người bố của ông là Trương Công Giai tạ thế được tròn 544

năm, hiện vẫn được các hậu duệ họ Trương lưu giữ cẩn thận¹⁰. Đây là một bộ phả ký chứa đựng nhiều tư liệu đáng quý về dòng họ Trương Công ở Thanh Liêm và về Tiến sĩ Trương Công Giai. Sách này cho biết: Thân phụ của Trương Công Giai là Trương Chí Tường (1635-1699), là một người thông minh, phong lưu từ nhỏ, chịu khó trau dồi kiến thức y học, trị bệnh cứu người. Cùng với cụ bà là Đinh quý thị đã nhiều lần cấp thuốc chữa trị cho những người bệnh tật, giúp đỡ người nghèo khó, nổi tiếng là lương y có tài, đức trong vùng¹¹.

Sinh ra trong một gia đình có truyền thống đạo đức, lại được sự chăm sóc giáo dục chu đáo, nghiêm khắc của phụ mẫu, Trương Công Giai vốn nổi tiếng “được gọi là thần đồng”¹² đã nhanh chóng tiếp thu kiến thức từ người cha tài hoa và các hương sư quanh vùng quê Chanh Chè, Hà Nam. Trương Công Giai ngay từ nhỏ đã chăm học, nhiều sách kinh điển của nhà Nho đã được ông nhập tâm và thông thuộc.

Người con trưởng Trương Luận Xuyên, sau giữ chức Thượng thư Thiếu bảo, Triều liệt Đại phu, Quang lộc Tự khanh, đã kính cẩn viết về người cha thân yêu, nghiêm khắc của mình, có thể coi như một bản tổng kết đầy đủ về cuộc đời của Trương Công Giai bằng những dòng như sau: “Cụ có phong thái đoan trang kỳ vĩ, thần thái ung dung, mặt tựa tô son, đứng ngồi đĩnh đạc, ôn hòa từ ái, cần kiệm thanh cao. Cụ lúc nhỏ được gọi là thần đồng, khi lớn lên dốc lòng theo đạo Nho. Cụ làm quan trong sạch, cần cù. Lấy lòng hiếu để để thờ cha mẹ, lấy nghiêm khắc giữ nếp nhà. Thờ vua tận tụy, trong triều ngoài nội đều giữ tiếng khen. Thực đáng người hiền, tiếng thơm lưu truyền hậu thế”¹³.

Tuy trưởng thành trong giai đoạn thể lệ thi cử được triều Lê - Trịnh quy định

khá chặt chẽ, quy củ, nhưng bằng tài năng và học vấn uyên thâm của mình, Trương Công Giai đã từng bước tiến vững vàng vào con đường khoa cử và đạt được kết quả cao trong các kỳ thi Hương, thi Hội.

Sau khi đã thi đỗ thi Hương, tân Hương cống Trương Công Giai, vừa tròn 20 tuổi, lại hăm hở lều chông, từ vùng đất chua mặn, quanh năm lụt lội Hà Nam, lên Kinh thành Thăng Long để dự kỳ thi khoa Ất Sửu, niên hiệu Chính Hòa thứ 6 (1685) triều vua Lê Hy Tông. Chỉ ít ngày sau, bảng rồng được treo lên, chàng trai họ Trương đã đứng đầu trong sách 11 người đỗ Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân. Ông cũng là một trong số rất ít người trẻ ở độ tuổi 20, đạt danh hiệu Tiến sĩ trong lịch sử khoa cử phong kiến Việt Nam tính từ năm 1075 đến 1919.

Theo tám bia *Chính Hòa lục niên Ất Sửu khoa Tiến sĩ đề danh* 正和六年乙丑科進士題名 (*Bài ký đề tên Tiến sĩ khoa Ất Sửu niên hiệu Chính Hòa năm thứ 6* (1685)), hiện đang được lưu giữ trong Văn Miếu-Quốc Tử Giám Hà Nội, phần ghi danh sách thi đỗ có Trương Công, người sở Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm. Sau này, khi đối chiếu năm sinh, nơi sinh cùng hành trạng... với gia phả họ Trương Công, các nhà khoa học đã xác định chắc chắn đó chính là Trương Công Giai, hay Trương Công Khải, người sở Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm, phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam (nay là xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam)¹⁴.

2. Quá trình làm quan và thời gian giữ chức Tế tửu Quốc Tử Giám của Trương Công Giai

Sau khi đã “vinh quy bái tổ”, Tiến sĩ Trương Công Giai trở lại Kinh thành Thăng Long để đảm đương công việc trong triều Lê - Trịnh, bắt đầu con đường

hoạn lộ kéo dài 43 năm, với nhiều trọng chức được giao.

Tham khảo trong các thư tịch cổ và trong *Trương thế gia ký*, bộ gia phả họ Trương, chúng tôi không thấy chép về những chức vụ đầu tiên mà Trương Công Giai đảm nhiệm: Theo quy định chung, được nhà bác học Lê Quý Đôn chép trong sách *Kiến văn tiểu lục* cho biết: “Khoảng niên hiệu Hồng Đức (1470-1497) triều vua Lê Thánh Tông (1460-1497), chuẩn định thưởng tư cách cho thủy Tiến sĩ: Trạng Nguyên 8 tư, Bảng nhãn 7 tư..., Tiến sĩ 4 tư, sau này cũng như thế...”¹⁵.

Cho đến những năm Lê Trung hưng, việc đãi ngộ cho người đỗ Tiến sĩ được chú trọng hơn nhiều: “Bản triều (triều Lê, NHT) từ Trung hưng đến nay, đối với người đỗ khoa Tiến sĩ, đãi ngộ rất hậu, bổ dụng rất cao...”¹⁶, cụ thể là: “Còn Tiến sĩ thì sau khi Trung hưng, bắt đầu được trao chức Giám sát, đến niên hiệu Bảo Thái lại theo chế độ cũ, bắt đầu trao cho chức Cấp sự trung, một người ít tuổi nhất được trao chức Hiệu thảo”¹⁷.

Bác học Lê Quý Đôn cung cấp thêm tư liệu về những ân huệ của triều Lê đối với tân Tiến sĩ: Ban cho mũ áo, cân đai triều phục cho “vinh quy bái tổ” về quê hương, dựng phủ đệ tại quê, người đỗ Đồng Tiến sĩ cũng được bổ giữ chức khoa, đạo, một người trẻ tuổi trong mỗi khoa được bổ giữ chức Hiệu thảo..., cuối cùng ông đánh giá rất cao về chế độ đãi ngộ đối với người đỗ Đại khoa của triều Lê - Trịnh: “Năm ân điển này so với việc đặt khoa mục ở Trung Quốc, từ xưa đến nay chưa từng có”¹⁸.

Như vậy, theo quy định chung của triều Lê - Trịnh đối với người đỗ Tiến sĩ, Trương Công Giai được ban cho chức Giám sát Ngự sử, trật chánh bát phẩm, với nhiệm vụ “Xét hỏi các vụ kiện do Ngự sử

đài duyệt lại đề trình lên quan bản đài xét xử, và cuối năm trình bày về chính sự hiện thời”¹⁹. Vị quan Giám sát đang ở tuổi “được làm lễ đội mũ”²⁰, đã hào hứng gia nhập đội ngũ quan lại, với tâm nguyện muốn đem sở học và tài năng cống hiến cho quốc gia. Chắc chắn với hoài bão cháy bỏng như vậy, Trương Công Giai trong vai trò Giám sát Ngự sử, đã hoàn thành xuất sắc chức trách được triều đình giao phó.

Trải qua 22 năm phụng sự cho triều đình Lê - Trịnh, tính từ khi đỗ Tiến sĩ năm 1685 đến năm 1707, Trương Công Giai lại được các sử quan giành nhiều trang viết về ông trong *Quốc sử tục biên* (tức *Đại Việt sử ký tục biên* 1676-1789) và sau này được Quốc sử quán triều Nguyễn đưa vào sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Lúc này, Trương Công Giai đã chứng chắc là một vị đường quan trong triều với vai trò là Công bộ Hữu Thị lang: “Đình Hối, Vĩnh Thịnh năm thứ 3 (1707) ... Mùa xuân, tháng ba, ... cho Tự khanh Trương Công Giai (người xã Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm) làm Hữu Thị lang Bộ Công”²¹. Chức quan này có trật chánh tứ phẩm với nhiệm vụ: “Tra khám những vụ kiện kêu lại ở Công phiên; về các việc chế tạo ban tứ thì đều chiếu điều lệ mà thi hành”²².

Sau này, trước khi từ trần, Trương Công Giai từng trải các chức Đô Ngự sử Nhập thị Kinh diên, Thự Trung thư giám, Tri Quốc Tử Giám Tế tửu²³, Bồi tụng Thượng thư Bộ Hình, tước Ly Quận công. Sau khi mất được truy tặng hàm Thiếu bảo²⁴.

Có thể nói quan lộ của Trương Công Giai tuy có lúc cũng bị trắc trở đôi chút, nhưng nhìn chung là hanh thông hiển đạt, ông đã đạt tới ngôi cao chức trọng. Ông từng bộc bạch nỗi niềm được vua Lê chúa Trịnh cực kỳ ưu đãi, trong một bài thơ

làm trước khi từ trần một thời gian 歲六十三 (*Tuế lục thập tam*: Sáu mươi ba tuổi):

Nguyên văn:

六十三春力退些,
王存優愛主存差²⁵.

Dịch nghĩa:

“Sáu mươi ba tuổi rồi, sức lực ngày càng yếu đi”²⁶,

Tuy già, nhưng vua vẫn tin dùng, chúa vẫn yêu quý”.

Chúng tôi muốn đi sâu vào một chức Học quan mà Trương Công Giai đã từng đảm nhiệm tại Kinh đô Thăng Long. Đó là chức Quốc Tử Giám Tế tửu²⁷, là vị quan đứng đầu trường học đào tạo học vị cao nhất dưới thời phong kiến. Thư tịch, văn bia Quốc Tử Giám có chép Trương Công Giai nắm giữ cương vị Quốc Tử Giám Tế tửu vào tháng 4 năm 1721 “Bồi tụng Hình bộ Thượng thư kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu Trương Công Giai, Ly Quận công làm Tri cống cử”²⁸, sau đó gia phả họ Trương chép bổ sung thêm chức này²⁹.

Thực sự, Trương Công Giai có thời gian giữ chức Tế tửu là bao nhiêu năm? Bắt đầu và kết thúc vào thời gian nào? Đây là những câu hỏi cần được biện giải minh bạch trong quá trình làm quan của Trương Công Giai. Quá trình giữ chức Tế tửu đã ghi đậm vào trong tâm trí của Trương Công Giai và đã được ông xúc cảm thành những vần thơ ngay lúc còn đang tại chức.

Chúng tôi xin được giới thiệu bài thơ *Địa linh/地靈/Đất thiêng*)

Nguyên văn:

四十三春得共同,
晨昏散步故從容,
帝京春日添岑蔚,
內外郊安聲劍弓。
文廟一時主祭官,
平身服位鼓鉦歡
整巾進爵心香拜

道學常常分苦甘³⁰.

Dịch nghĩa:

Bốn mươi ba mùa xuân qua³¹ ta đã quen chung sống,

Sớm chiều tần bọ vẫn nếp thong dong nhàn tản,

Ngày xuân ở kinh đô nhà vua, ngày thêm nhộn nhịp,

Nội ngoại thành đã im tiếng kiếm cung.

Văn Miếu một thời, (ta) từng làm quan chủ tế,

Tiếng “bình thân, phục vị” với tiếng trống, tiếng chiêng rộn ràng,

Các vị quan tể nghiêm trang áo mũ, dâng lạy nén “tâm hương”.

Đạo học thường hay (tôn vinh người quyết chí học hành) để phân ra sướng khổ.

Trong bài thơ trên, có mấy câu thơ mà các tác giả trước đây dịch nghĩa đều chưa chuẩn³².

Câu thứ nhất: *Tứ thập tam xuân*, đã dịch thành: *Bốn chục năm qua*, nên dịch chính xác thành: *Bốn mươi ba mùa xuân qua*

Câu thứ hai: *Nội ngoại giao an thanh kiếm cung*, dịch thành: *Bởi nội ngoại thành bao đời vung kiếm đuổi thù*, thì không chính xác, theo chúng tôi nên dịch là: *Bên trong và bên ngoài thành đã im tiếng kiếm cung*.

Đặc biệt, xin lưu ý câu thơ: *Văn Miếu nhất thời chủ tế quan*, mà dịch là: *Văn Miếu còn đây với những nghi lễ tế quan*, thì quá xa nguyên văn và hoàn toàn không chính xác, khiến cho người đọc hiểu khác đi, chứ thực ra câu thơ trên của Trương Công Giai, nhằm viết về bản thân, nên phải dịch là: *Văn Miếu một thời, (ta) từng làm quan chủ tế*.

Vì thông qua chi tiết “*Quan chủ tế* 主祭官”, Trương Công Giai đã tự mình đưa ra lời giải xác nhận cho việc ông từng điều hành Quốc Tử Giám với chức vụ là Tế tửu. Quốc Tử Giám Tế tửu có chức

trách: “Phụng mệnh trông coi nhà Văn Miếu, rèn tập sĩ tử, phải chiếu chỉ truyền năm trước, hằng tháng theo đúng kỳ cho tập làm văn, để gây dựng nhân tài, giúp việc thực dụng cho nước”³³.

Chúng tôi nghiên cứu và tìm hiểu con đường thăng quan tiến chức của ông, phát hiện một sự kiện: vào tháng 3, Tân Mão, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 7 (1711), triều vua Lê Dụ tông, khi Trương Công Giai vừa 46 tuổi, triều đình triệu ông đang giữ chức Tham trấn Thanh Hoa về Kinh đô đảm nhiệm chức Phó Đô ngự sử³⁴. Chức này là phó cho Đô Ngự sử, giữ việc phong hóa pháp độ, rất được coi trọng, trật Chánh tứ phẩm.

Theo chúng tôi, đây chính là thời điểm triều đình Lê - Trịnh đã chọn lựa để đưa Trương Công Giai về Quốc Tử Giám. Có mấy lý do chủ yếu sau: Trước hết, với thâm niên làm quan đã hơn 20 năm, trường kỳ phụ trách về công việc điều tra, xét hỏi các vụ kiện tụng, cho nên ông nắm chắc pháp luật, lại trải qua các chức vụ tại các địa phương, nói theo ngôn ngữ hiện đại “có quá trình luân chuyển cán bộ”. Trương Công Giai là người có kinh nghiệm trong việc quản lý, thêm nữa, ông lại là người xuất thân từ hàng ngũ khoa bảng, đỗ Tiến sĩ loại ưu, tư cách đạo đức được các bạn đồng liêu nể phục, triều đình tin cậy trọng dụng. Vì vậy, việc đưa Trương Công Giai ở độ tuổi 40 “nhì bắt hoặc”, đang là Phó Đô ngự sử trật Chánh tứ phẩm, tham gia điều hành Quốc Tử Giám là hoàn toàn hợp lý, hợp tình.

Nhưng có phải ngay năm 1711, vị Tiến sĩ họ Trương được giao giữ chức Tế tửu không? Theo quy chế chung, khi bổ dụng quan chức của triều Lê - Trịnh, tuy có kinh nghiệm và đạo đức, nhưng Trương Công Giai cũng phải có một thời gian “tập dượt” hay “thí sai” (thử việc),

để dần dần làm quen với công việc mới, nhiều trọng trách này. Văn bia *Vĩnh Thịnh thập tứ niên Mậu Tuất khoa tiến sĩ đề danh ký* 永盛十四年戊戌科进士题名记 có cho biết nhà vua sai “Trương Công Giai là Bồi tụng Ngự sử đài Đô Ngự sử, Nhập thị Kinh diên, thự Trung thư giám, Cẩm sơn nam làm Tri công cử”³⁵.

Sau 7 năm về hoạt động tại Quốc Tử Giám, Thăng Long, Trương Công Giai đã có một thời kỳ hoạn lộ khá hanh thông, từ quan hàm Tứ phẩm thăng lên hàm Nhị phẩm, trực tiếp điều hành việc khoa cử của triều đình. Cho đến năm 1721, Trương Công Giai đã nghiêm nhiên trở thành vị quan đứng đầu Quốc Tử Giám, Văn bia *Bảo Thái nhị niên Tân Sửu khoa tiến sĩ đề danh ký* 保泰二年辛丑科进士题名记 chép “Vua xuống chiếu..., đặc cách cử...bê tôi là Trương Công Giai, Bồi tụng Hình bộ Thượng thư kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu, Lý Quận công làm Tri công cử”³⁶.

Như vậy, câu hỏi về thời gian bắt đầu nhậm chức của Trương Công Giai đã được xác định, chỉ ít cho đến năm 1721 ông giữ chức Quốc Tử Giám Tế tửu. Nhưng khi nào ông thôi chức, cũng cần được giải đáp cho ổn thỏa.

Chúng ta có thể khẳng định thời gian sáng tác bài thơ *Hạ thọ lục tuần* 贺寿六旬 (Mừng thọ 60 tuổi), vào năm 1724 (tức năm Giáp Thìn) vừa tròn lục thập hoa giáp (60 tuổi) của Trương Công Giai. Bài thơ cho biết: Các bạn đồng liêu, đồng khoa đến chúc mừng, đều khen Trương Công Giai khi đó đã 60 tuổi, còn rất khỏe mạnh, minh mẫn, vẫn luận đàm văn chương thể sự một cách hùng hồn, khúc triết làm mọi người phải ngạc nhiên, thán phục:

Nguyên văn:

美君才力殊强健,
高论时驚满四筵³⁷.

Dịch nghĩa:

Khen ông tài lực còn rất tráng kiện,

Khi đàm đạo cao siêu, làm kinh ngạc (người đến dự) đông trên các chiếu tiệc mừng.

Điều quan trọng hơn, bài thơ đã xác định rõ thời gian này, Trương Công Giai vẫn đang đảm nhiệm chức Tế tửu tại Quốc Tử Giám:

Nguyên văn:

文雅風流六十年
當今執政獨推先
身承北斗天喉舌
家卜茶山水澗纏³⁸.

Dịch nghĩa:

Văn nhã phong lưu đã sáu mươi năm.

Giữ quyền ngày nay, riêng được suy tôn hàng đầu,

Thân mình đảm nhiệm (vai trò) Bắc đầu, là yết hầu của Thiên tử,

Gia cư ở núi Trà Sơn, có suối nước uốn quanh.

Chúng tôi xin lưu ý câu “Thân thừa Bắc đầu thiên hầu thiết”, trong đó, Bắc đầu là một vì sao tinh tú trên dải thiên hà, dân gian thường dùng cụm từ Thái Sơn, Bắc Đầu để chỉ những người thầy giáo đức cao vọng trọng mẫu mực, được đặc biệt kính trọng. Câu thơ do chính Tiến sĩ họ Trương viết ra, đã chính thức xác nhận đến năm 1724, Trương Công Giai vẫn đang giữ chức Tế tửu Quốc Tử Giám - Vị Hiệu trưởng khả kính tại trường Quốc học ở Kinh đô Thăng Long. Thư tịch và Văn bia khoa thi cũng chép vào tháng 3 năm 1724, Trương Công Giai đang là: “Bồi tụng, Hình bộ Thượng thư, kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu, Lý Quận công làm Tri công cử”³⁹.

Tuy nhiên, cũng chính năm 1724, xảy ra một sự kiện liên quan đến việc thôi giữ chức Tế tửu của Trương Công Giai. *Đại Việt sử ký tục biên* (1676-1789) chép: “Giáp Thìn, Bảo Thái thứ 5 (1724), Tháng 4 nhuận, mùa hạ, biếm Thượng thư Bộ Hình là Trương Công Khải (Giai) xuống làm Tả Thị lang Bộ Lại”⁴⁰.

Sự kiện giáng chức ảnh hưởng không nhỏ đến việc kiêm nhiệm Tế tửu, bởi tư cách, đạo đức của người thầy đứng đầu trường Quốc Tử Giám, luôn là một khuôn mẫu lý tưởng cho các sĩ tử và bá quan văn võ triều đình noi theo. Sự kiện trên, dù xét trên phương diện nào (có thể triều đình bị nhầm lẫn, hay do sơ xuất mà Trương Công Giai mắc lỗi...), nhưng cũng đã phương hại ít nhiều đến uy tín của vị Quốc Tử Giám Tế tửu. Mặt khác, cũng năm này, Trương Công Giai vừa tròn 60 tuổi, có thể sau khi mừng thọ (chúng tôi đoán định sinh nhật của ông trong tháng 4 (tương đương với tháng 5 hằng năm), lại bị vướng việc giáng chức, ông đã chủ động xin nghỉ chức Tế tửu. Hành động này cũng hoàn toàn phù hợp với tính cách “Quan tiết bất dao” trong sáng, phẩm cách cao quý của Trương Công Giai.

Vì vậy, chúng tôi nhận định năm 1724 là thời điểm Trương Công Giai chấm dứt giai đoạn hơn 3 năm đảm nhiệm Quốc Tử Giám Tế tửu. Việc ông không còn giữ chức Tế tửu, còn được minh chứng thêm bằng chức vụ của Trương Công Giai vào năm 1727 là “Bồi tụng, Lại bộ Tả Thị lang, Lý Quận công”⁴¹.

Bốn câu kết của bài thơ *Địa linh* (Đất thiêng) nói rõ hơn về quá trình cống hiến, đầy tâm huyết của quan Tế tửu họ Trương trong thời gian giữ chức tại Quốc Tử Giám - nơi lưu giữ nhiều kỷ niệm sâu đậm trên con đường công danh của cuộc đời ông.

Nguyên văn:

移處帝京無限期,
何忘靈地既扶禧,
我為靈地多心血,
萬古芳名留石碑.

Dịch nghĩa:

Xa dời nơi kinh đô nhà vua, không có kỳ hạn (quay trở lại),

Làm sao quên được vùng đất linh thiêng, đã phù hộ độ trì cho (ta) được may mắn.

Ta cũng từng giành nhiều tâm huyết cho vùng đất linh thiêng này,

Tên tuổi đẹp để muôn đời, được lưu lại trên những tấm bia đá.

Trương Công Giai đã khẳng định vùng đất linh thiêng Thăng Long nói chung và Quốc Tử Giám nói riêng, đã đem lại cho ông nhiều hạnh phúc và may mắn. Ngược lại, ông cũng đã bỏ ra nhiều công sức, cùng tấm lòng yêu thương, để xây đắp một Thăng Long, đặc biệt là Quốc Tử Giám đẹp hơn với danh sách các Tiến sĩ (trong đó có ông) - đại diện cho nền khoa cử, văn hiến Việt Nam được lưu danh trên những tấm bia đá, mà ngày nay còn đang hiện diện trong Văn Miếu - Quốc Tử Giám tại Hà Nội. Những vần thơ về *Xuân* 春 (Mùa xuân) của Trương Công Giai đã khẳng định ông là một nhà quản lý, một thầy giáo mẫu mực, đã tận tâm tận lực với Quốc Tử Giám - nơi bồi dưỡng và đào tạo ra những nhân tài đất nước.

Theo kinh nghiệm từng trải và con mắt xanh của nhà sư phạm, ông đánh giá tâm hồn con người qua những dòng văn thơ viết từ trái tim, văn thơ đẹp bởi chính người viết có tấm lòng chân thực:

Nguyên văn:

有真有善文常美,
知彼知己事必成⁴².

Dịch nghĩa:

Có tấm lòng chân thành, có tài năng giỏi [thi] văn chương thường đẹp,

Hiểu biết được người, tự biết về mình [thi] công việc sẽ thành công.

Cuộc đời của Trương Công Giai, nhất là giai đoạn giữ chức Tế tửu Quốc Tử Giám, cũng là một khoảng thời gian đẹp trong quá trình làm quan nhiều tâm đắc của ông, bởi ông có tấm lòng chân thành, trung thực với Thăng Long, với Quốc Tử Giám./

N.H.T

Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Chữ 楷 có hai cách phiên âm Hán Việt là Khải và Giai, cho nên có thể đọc 張公楷 là Trương Công Giai và Trương Công Khải. Chúng tôi xin được sử dụng trong bài viết theo cách viết là Trương Công Giai thường chép ở các thư tịch và thường dùng trong dòng họ. (NHT).

2. Căn cứ vào các đạo Sắc phong vào năm Đồng Khánh thứ 2 (1886), năm Duy Tân thứ 3 (1909) phong cho Thành hoàng làng, thì vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, xã Thiên Kiện đã được đổi tên là xã Đại Kiện. Xin được cảm ơn ông Phạm Văn Khôi, người thôn Sờ, xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam đã cung cấp bản dịch của các đạo Sắc phong trên. (NHT).

3. Richard (2010), “Lịch sử tự nhiên, dân sự và chính trị xứ Đàng Ngoài”, trong *Tuyển tập tư liệu phương Tây*, NXB. Hà Nội, Hà Nội, tr.368.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (bản dịch, 1998), tập II, NXB. Giáo dục, Hà Nội, tr.302.

5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, sđd, tr.302.

6. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, sđd, tr.303.

7. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, sđd, tr.343.

8. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch, 2007), tập II, NXB. Giáo dục, Hà Nội, tr.42.

9. Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp ký*, (bản dịch, 1975) tập I, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.74; *Đại Việt sử ký tục biên* (1676-1789) (bản dịch, 1991), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.19.

10. *Trương thế gia ký tục biên quyển chi nhị* 張世家記續編卷之二, tờ 22.

11. Trần Tuấn Đạt (2008), *Thượng thư Tiến sĩ Trương Công Giai*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.26-27.

12. Trần Tuấn Đạt (2008), *Thượng thư Tiến sĩ Trương Công Giai*, sđd, tr.62.

13. Trần Tuấn Đạt (2008), *Thượng thư Tiến sĩ Trương Công Giai*, sđd, tr.10 - 11.

14. Ngô Đức Thọ (Chủ biên, 2006), *Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075-1919*, (tái bản có bổ sung, chỉnh lý), NXB. Văn học, Hà Nội, tr.536.

15. Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục* (bản dịch, 2007), NXB. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.146.

16. Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục*, sđd, tr.106.

17. Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục*, sđd, tr.147.

18. Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục*, sđd, tr.106 - 107.

19. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II, sđd, tr.586.

20. Thời cổ, con trai đến 20 tuổi được tiến hành làm lễ đội mũ gọi là lễ “gia quan”, để chứng tỏ đã đến độ trưởng thành, vì thế thanh niên 20 tuổi được gọi là tuổi đội mũ.

21. *Đại Việt sử ký tục biên* (1676-1789), sđd, tr.60.

22. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, sđd, tr.585.

23. 張世家記續編卷之二 *Trương thế gia ký tục biên quyển chi nhị*, sđd, tờ 23.

24. *Đại Việt sử ký tục biên* (1676-1789), sđd, tr.107.

25. Trương Sĩ Hùng (2008), *Tư liệu mới về Tiến sĩ Trương Công Giai* (1665-1728), Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Thông báo Hán Nôm học năm 2008*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.452.

26. Trương Sĩ Hùng (2008), *Tư liệu mới về Tiến sĩ Trương Công Giai* (1665-1728), sđd, tr.440-454, chúng tôi sửa câu dịch: Gần sáu mươi ba tuổi rồi, tóc điểm bạc thêm, không đúng với nguyên văn (phiên âm) *Lục thập tam xuân lực thoái ta*.

27. Tề tửu 祭酒: Theo *Từ nguyên*, Tề tửu có mấy nghĩa sau: Rót rượu tề thần, thời cổ khi tưới rượu tề thần tất phải do một người người

tôn quý hoặc người cao niên dâng rượu tưới xuống đất, sau đó người tôn quý hoặc người cao niên được gọi là Tế tửu. Tên một chức quan: Đời Hán Bình đế, đặt Lục kinh Tế tửu, trật Thượng khanh, sau đặt Bác thị Tế tửu, đứng đầu Ngũ kinh Bác sĩ. Đời vua Tấn Vũ đế (275-280) Trung Quốc, lập Quốc Tử học nơi dạy dỗ, truyền bá kiến thức Nho học cho con em trong tôn thất và con em của trọng thần quan chức. Khi đó, người phụ trách Quốc tử học gọi là Trưởng quan, tiếp các đời sau vị Trưởng quan được gọi là Tế tử (祭酒), nhưng phải đến đời Tùy Dường Đế niên hiệu Đại Nghiệp thứ 3 (607), thì chức quan Quốc Tử Giám Tế tửu (國子監祭酒) lần đầu tiên mới xuất hiện trong lịch sử giáo dục cổ đại Trung Quốc. Từ đó trở về sau, Quốc Tử Giám Tế tửu, trật Tòng tam phẩm, là vị Trưởng quan hành chính giáo dục toàn quốc cả ở trung ương và các địa phương, có nhiệm vụ chủ yếu là quản lý các vị học quan trong trường học Quốc gia (Quốc Tử Giám). *Từ nguyên, 辭源*, Tu đính bản, đệ tam sách, Thương vụ ấn thư quán, Bắc Kinh, 1992, tr.2280 (Trung văn). *Trung Quốc lịch đại quan chế đại từ điển*, 中國歷代官制大辭典 Chủ biên Lã Tông Lực (1996), NXB. Bắc Kinh, Bắc Kinh, tr.507 (Trung văn).

28. Đỗ Văn Ninh (2000), *Văn bia Quốc Tử Giám Hà Nội*, NXB. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.485-486; Ngô Cao Lãng (Bản dịch, 1975), *Lịch triều tạp kỷ*, tập II, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.77.

29. Ngô Đức Thọ (Chủ biên), *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Sđd, tr. 536. Trần Tuấn Đạt, *Thượng thư Tiến sĩ Trương Công Giai*, sđd, tr.68. 張世家記續編卷之二 *Trương thế gia ký tục biên quyển chi nhị*, sđd, tờ 23.

30. Trương Sĩ Hùng, *Tư liệu mới về Tiến sĩ Trương Công Giai* (1665-1728), sđd, tr.441.

31. Trương Sĩ Hùng, *Tư liệu mới về Tiến sĩ Trương Công Giai* (1665-1728), sđd, tr.450-451 và Trần Tuấn Đạt, *Thượng thư Tiến sĩ Trương Công Giai*, sđd.

32. Trương Sĩ Hùng, *Tư liệu mới về Tiến sĩ Trương Công Giai* (1665-1728), sđd, tr.450-451. Trần Tuấn Đạt, *Thượng thư Tiến sĩ Trương Công Giai*, sđd, tr.95-96.

33. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, sđd, tr.586.

34. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, Sđd, tr.400. *Đại Việt sử ký tục biên* (1676-1789), sđd, tr.64.

35. Đỗ Văn Ninh; *Văn bia Quốc Tử Giám Hà Nội*, sđd, tr.473-474.

36. Đỗ Văn Ninh; *Văn bia Quốc Tử Giám Hà Nội*, sđd, tr.478; Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ*, tập II, sđd, tr.77.

37. Trần Tuấn Đạt, *Thượng thư Tiến sĩ Trương Công Giai*, sđd, tr.105.

38. Trần Tuấn Đạt, *Thượng thư Tiến sĩ Trương Công Giai*, sđd, tr.104-105.

39. Đỗ Văn Ninh; *Văn bia Quốc Tử Giám Hà Nội*, sđd, tr.485-486; Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ*, tập II, sđd, tr.77.

40. *Đại Việt sử ký tục biên* (1676-1789), Sđd, tr.96. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, sđd, tr.445.

41. Đỗ Văn Ninh; *Văn bia Quốc Tử Giám Hà Nội*, sđd, tr.492.

42. Trương Sĩ Hùng, *Tư liệu mới về Tiến sĩ Trương Công Giai* (1665-1728), sđd, tr.451.